

Bản án số: 06/ 2019/ DS-ST

Ngày: 22-7-2019

V/việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
N- ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲ CHÂU - TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoài Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Vi Thị Dung

Ông Tôn Hoàng Đức

- Th- ký phiên tòa: Bà Vi Hải Yến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ an.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Trần Hoàng Vân - Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2019/ TLST-DS ngày 21 tháng 02 năm 2019 về Tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đ- a vụ án ra xét xử số: 31/2019/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 7 năm 2019, giữa các đ- ơng sự:

- Nguyên đơn: Ông Phan Trung L. Sinh năm: 1980

Trú tại: Xóm H, xã C, huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An

Có mặt

- Bị đơn: Bà Lô Thị Th. Sinh năm: 1976

Trú tại: Khối 4, thị trấn T, huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An

Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 02 năm 2019, nguyên đơn là ông Phan Trung L trình bày: Ngày 21/4/2015, ông Long cho bà Lô Thị Th vay số tiền 40.000.000^d, việc vay nợ có làm giấy tờ với nội dung mỗi tháng bà Th trả cho ông L số tiền cả gốc và lãi là 1.430.000^d (Một triệu bốn trăm ba mươi nghìn đồng) và hẹn trả trong vòng 48 tháng. Đến tháng 01/2018 số tiền còn nợ gốc là 19.260.000^d (Mười chín triệu hai trăm sáu mươi nghìn đồng). Ngày 10/01/2018, bà Th có làm giấy ủy quyền cho ông L hàng tháng nhận một phần lương của bà Th tại quỹ lương của trường PTTH Quỳnh Châu với số tiền 710.000^d (Bảy trăm mười nghìn đồng) trong thời hạn 33 tháng (Từ tháng 01/2018 đến tháng 10/2020). Tuy nhiên, sau khi thực

hiện được 03 tháng thì ông L không được nhận số tiền như theo giấy ủy quyền nữa. Vì vậy, ông L khởi kiện yêu cầu bà Th phải thanh toán cho ông L số tiền gốc còn thiếu và tiền lãi với tổng số tiền là 21.956.000^d (Hai mươi một triệu chín trăm năm mươi sáu nghìn đồng).

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, ông L thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện. Tính đến tháng 01/2018, bà Th còn nợ ông số tiền gốc là 23.430.000^d (Hai mươi triệu, bốn trăm ba mươi nghìn đồng). Vào các tháng 2,3,4/2018, bà Th đã trả cho bà Lang Thị S (Vợ của ông L) tổng số tiền 2.100.000^d (Hai triệu, một trăm nghìn đồng). Vì vậy, đề nghị Tòa án buộc bà Th thanh toán số tiền gốc còn nợ tính đến tháng 4/2018 là 21.330.000^d (Hai mươi một triệu, ba trăm ba mươi nghìn đồng). Ông L yêu cầu bà Th phải chịu tiền lãi của khoản nợ này từ tháng 05/2018 đến tháng 7/2019 với lãi suất 1%/tháng với số tiền 2.986.200^d (Hai triệu, chín trăm tám mươi sáu nghìn, hai trăm đồng). Tổng cộng ông L yêu cầu bà Th phải thanh toán số tiền là 24.316.200^d (Hai mươi tư triệu, ba trăm mười sáu nghìn, hai trăm đồng).

Bị đơn là bà Lô Thị Th trình bày: Vào tháng 4/2015, bà Thủy có vay của ông L số tiền 40.000.000^d (Bốn mươi triệu đồng). Tính đến tháng 01/2018, bà Th đang nợ ông L số tiền 18.500.000^d (Mười tám triệu năm trăm nghìn đồng). Hai bên thỏa thuận sẽ trả số tiền này trong vòng 33 tháng với lãi suất 0,75%/tháng. Tổng số tiền cả gốc và lãi là 23.087.750^d (Hai mươi ba triệu, không trăm tám mươi bảy nghìn, bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Bà Th đồng ý trả cho ông L số tiền 23.100.000^d (Hai mươi ba triệu, một trăm nghìn đồng). Do đó, vào ngày 10/01/2018, bà Th thỏa thuận viết giấy ủy quyền cho ông L nhận một phần lương của mình mỗi tháng 700.000^d (Bảy trăm nghìn đồng) từ tháng 01/2018 đến tháng 10/2020. Tuy nhiên, từ tháng 02 đến tháng 4/2018, bà Th đã thanh toán cho ông L tổng số tiền là 18.800.000^d (Mười tám triệu, tám trăm nghìn đồng). Như vậy, bà Th đã thanh toán xong số tiền gốc đã nợ và lãi cho ông L đối với khoản vay vào tháng 4/2015. Do đã thanh toán cho ông L hết số tiền nợ nên bà Th không chấp nhận yêu cầu của ông L.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Lô Thị Th giao nộp cho Tòa án một bảng kê về việc thanh toán tiền nợ giữa bà Th với ông L và bà Lang Thị S (Vợ ông L) với nội dung: Vào ngày 12/02/2018, ông L đã nhận từ bà Th số tiền 16.700.000^d (Mười sáu triệu, bảy trăm nghìn đồng); Từ ngày 14/02/2018, tháng 3, 4/ 2018, bà Lang Thị S đã nhận từ bà Th tổng số tiền là 2.100.000^d (Hai triệu, một trăm nghìn đồng). Tuy

nhiên, ông L khẳng định bà Th trả cho ông Long số tiền 16.700.000^d vào ngày 12/02/2017 chứ không phải ngày 12/02/2018. Do đó, ngày 12/3/2019, ông L có đơn yêu cầu Tòa án tiến hành trưng cầu giám định tại phòng kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Nghệ An với nội dung là có việc tẩy sửa đối với mục “12/2/2017” thành “12/2/2018” trong bảng kê về việc thanh toán tiền nợ do bà Th giao nộp cho Tòa án và ông L đã nộp tiền tạm ứng chi phí đối với yêu cầu này với số tiền 3.020.000^d (Ba triệu, không trăm hai mươi nghìn đồng). Ngày 15/3/2019, Tòa án ban hành Quyết định trưng cầu giám định số 01/2019/QĐ-TCGD đối với yêu cầu của ông L. Ngày 29/3/2019, Phòng kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Nghệ An có công văn số 14/KTHS (GĐKTHSTT) trả lời với nội dung hiện tại Phòng kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Nghệ An không có các phương tiện nghiệp vụ chuyên dụng để tiến hành giám định nội dung theo yêu cầu. Sau khi nhận được Thông báo này thì ông L không yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định tiếp tại các cơ quan có thẩm quyền. Vì vậy, Tòa án đã hoàn trả số tiền tạm ứng chi phí trưng cầu giám định cho ông L.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 466, 468 và 470 BLDS. Buộc bà Th phải trả cho ông Long số tiền gốc còn thiếu là 255.000^d. Buộc bà Th và ông L phải chịu án phí DSST theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Việc vay mượn tiền giữa ông Phan Trung L và bà Lô Thị Th được lập thành văn bản thể hiện số tiền vay, lãi suất và thời hạn trả nợ. Mặc dù hai bên không còn lưu giữ giấy vay tiền nữa nhưng các bên thừa nhận có việc vay mượn này. Nội dung thỏa thuận không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định của pháp luật nên có giá trị thi hành đối với các bên. Từ đó có đủ căn cứ để xác định tranh chấp giữa ông L và bà Th là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Châu theo quy định tại khoản 3 điều 26, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 BLTTDS.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, ông Phan Trung L thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện. Căn cứ khoản 2 Điều 71 BLTTDS, cần chấp nhận xem xét yêu cầu này của ông L.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, lời khai của các bên, biên bản hòa giải và diễn biến tại phiên tòa đã đủ cơ sở để kết luận: Việc vay mượn tiền giữa ông Phan Trung L và bà Lô Thị Th bắt đầu từ tháng 4/2015 với số tiền 40.000.000^d (Bốn mươi triệu đồng), có kỳ hạn và có lãi.

Tính đến tháng 01/2018, ông L cho rằng bà Th còn nợ ông số tiền gốc còn thiếu là 23.430.000^d (Hai mươi ba triệu, bốn trăm ba mươi nghìn đồng) trong khi bà Th cho rằng thời điểm này bà chỉ còn nợ ông L số tiền 18.500.000^d (Mười tám triệu, năm trăm nghìn đồng). Do quá trình trả nợ tính đến tháng 01/2018, cả hai bên đều không có tài liệu, chứng cứ gì ghi chép về việc trả nợ để giao nộp cho Tòa án xem xét. Tuy nhiên, căn cứ giấy ủy quyền nhận lương lập vào ngày 10/01/2018 và lời khai của các đương sự thấy rằng, khoản vay vào tháng 4/2015 là khoản vay có tính lãi suất. Nhưng theo lời khai của ông L thì từ tháng 01/2018 hai bên thỏa thuận ông L sẽ nhận một phần lương của bà Thủy với số tiền 710.000^d/ tháng trong vòng 33 tháng đối với khoản nợ còn thiếu là 23.430.000^d như vậy là không phù hợp với thỏa thuận về lãi suất của hai bên. Còn theo lời khai của bà Th thì bà sẽ trả cho ông L số tiền 18.500.000^d với lãi suất 0,75%/tháng trong vòng 33 tháng với tổng số tiền là 23.100.000^d và thỏa thuận cho ông Long nhận một phần lương của bà Thủy mỗi tháng 700.000^d từ tháng 01/2018 đến tháng 10/2020 là hợp lý. Do đó, Hội đồng xét xử xác định tính đến tháng 01/2018, bà Th còn nợ ông L số tiền gốc còn thiếu là 18.500.000^d (Mười tám triệu, năm trăm nghìn đồng).

Vào ngày 10/01/2018, bà Lô Thị Th có lập Giấy ủy quyền cho ông L hàng tháng được nhận một phần lương của bà Th tại thủ quỹ Trường PTTH Quý Châu. Tuy nhiên, Giấy ủy quyền này không được lập theo đúng quy định của pháp luật và trên thực tế thì ông L cũng chưa nhận được tiền lương của bà Th tại thủ quỹ của Trường mà do bà Th tự thực hiện việc trả tiền cho ông L.

Đối với số tiền 16.700.000^d (Mười sáu triệu, bảy trăm nghìn đồng) mà bà Th trả cho ông Long thì ông L khẳng định là ông nhận vào ngày 12/02/2017 chứ không phải ngày 12/02/2018. Tuy nhiên, căn cứ vào chứng cứ do bà Lô Thị Th giao nộp, đủ căn cứ để xác định vào ngày 12/02/2018, bà Th đã trả cho ông L số tiền trên.

Như vậy tính đến tháng 4/2018, bà Th còn nợ ông L là: $(18.500.000^d \times 0,75\%/tháng \times 4 tháng) - (16.700.000^d + 1.000.000^d + 400.000^d + 700.000^d) = 255.000^d$ (Hai trăm năm mươi lăm nghìn đồng).

[2.2] Về lãi suất: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Phan Trung L xác định thời điểm tính lãi suất từ tháng 5/2018 đến tháng 7/2019. Hội đồng xét xử xét thấy bà Lô Thị Th vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên ngoài nghĩa vụ phải trả số tiền gốc còn thiếu còn phải chịu lãi suất theo quy định và thời điểm tính lãi suất từ tháng 5/2018. Bà Lô Thị Th cho rằng đã thanh toán đủ số tiền nợ nên không chấp nhận chịu lãi suất. Vì vậy, cần căn cứ khoản 2 Điều 468 BLDS, chấp nhận một phần yêu cầu của ông L buộc bà Th phải chịu mức lãi suất 0,83%/ tháng đối với

khoản nợ còn thiếu tính từ thời điểm tháng 5/2018 đến tháng 7/2019 với số tiền là $(255.000^d \times 0,83\%/tháng \times 14 \text{ tháng}) = 29.600^d$ (Hai mươi chín nghìn, sáu trăm đồng).

Tổng cộng, cần buộc bà Th phải thanh toán cho ông L số tiền 284.600^d (Hai trăm tám mươi tư nghìn, sáu trăm đồng).

[3] Về án phí: Cần buộc bà Lô Thị Th phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật. Buộc ông Phan Trung L phải chịu án phí DSST đối với phần yêu cầu không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 71, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, Điều 466 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phan Trung L. Buộc bà Lô Thị Th có nghĩa vụ thanh toán cho ông L số tiền gốc còn thiếu và tiền lãi với tổng tiền 284.600^d (Hai trăm tám mươi tư nghìn, sáu trăm đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, điều 7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí:

- Buộc bà Lô Thị Th phải chịu 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí DSST.

- Buộc ông Phan Trung L phải chịu 1.200.000^d (Một triệu, hai trăm nghìn đồng) tiền án phí DSST. Nhưng được khấu trừ vào số tiền 500.000^d (Năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0000768 ngày 21/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An. Ông L phải nộp thêm số tiền 700.000^d (Bảy trăm nghìn đồng).

3. Về quyền kháng cáo: Ông Phan Trung L và bà Lô Thị Th có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

T.M/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- *TAND tỉnh Nghệ An;*
- *Các đương sự;*
- *VKSND, Chi cục THADS H.Quỳ Châu;*
- *VKSND tỉnh Nghệ An;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Hoài Nam